TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2020
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Huỳnh N,** sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Phan Quốc D,** sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N trình bày:***

- Về mối quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị và anh Phan Quốc D do tự

tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 07 tháng 6 năm 2016. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chị tại ấp L, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh D không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Quốc D.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Phan Quỳnh A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2014 hiện con chung đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh Phan Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 08 tháng 01 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Phan Quốc D trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị N về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về kinh tế từ đó vợ chồng có cãi vã nên từ tháng 11 năm 2019 anh thuê nhà trọ sống đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Huỳnh N thì anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ con.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Phan Quỳnh A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2014 hiện con chung đang sống với chị N. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Tại phiên tòa anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Trích lục kết hôn bản sao; giấy khai sinh bản sao; đơn xin xác nhận; tờ tường trình bản gốc.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến bản gốc.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Huỳnh N và anh Phan Quốc D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07 tháng 6 năm 2016. Theo lời trình bày của chị N thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh D không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Theo anh D trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 do mâu thuẫn về kinh tế từ đó vợ chồng có cãi vã, hiện nay anh chị không còn sống chung. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh không đồng ý nhưng anh không tìm ra được phương pháp để khắc phục hàn gắn. Hôn nhân là sự tự nguyện của hai người nhưng chị N kiên quyết ly hôn với anh D chị cho rằng giữa chị và anh D không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung có hạnh phúc được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N yêu cầu ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Anh D yêu cầu được đoàn tụ vì anh thương con muốn vợ chồng đoàn tụ lo cho con, yêu cầu của anh D là không được chấp nhận.

[2] Con chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Phan Quốc D thống nhất xác định anh chị có 01 con chung tên Phan Quỳnh A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2014 hiện con chung đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị N và anh D thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Phan Quỳnh A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2014 cho chị N nuôi dưỡng. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi là không trái pháp luật nên được ghi nhận là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Phan Quốc D thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Phan Quốc D thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Huỳnh N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Quốc D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Huỳnh N.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Huỳnh N được ly hôn với anh Phan Quốc D.

[2] Con chung: Giao cháu Phan Quỳnh A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2014 cho chị Nguyễn Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Quốc D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Phan Quốc D thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Phan Quốc D thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Huỳnh N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0007793 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Quốc D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui